

## THỰC TRẠNG VIỆC LÀM THÊM CỦA SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC THỂ CHẤT, TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN HIỆN NAY

Vũ Đình Công<sup>1</sup>, Lê Tử Trường<sup>1</sup>, Nguyễn Thiện Tín<sup>1</sup>

Ngày nhận bài: 16/09/2023; Ngày phản biện thông qua: 29/11/2023; Ngày duyệt đăng: 10/12/2023

### TÓM TẮT

Thông qua nghiên cứu lý luận và điều tra, khảo sát để thu thập thông tin đề tài đã xác định được thực trạng hoạt động làm thêm của sinh viên ngành Giáo dục Thể chất. Tỷ lệ mức độ cần thiết của việc đi làm thêm: rất cần thiết là 26.3% và cần thiết là 73.7%. Lý do quan trọng nhất của việc đi làm thêm: 76.8% để trải nghiệm cuộc sống, có thêm chi phí sinh hoạt. Công việc làm thêm phổ biến nhất: phục vụ quán cà phê, quán nước chiếm 64,3%. Tính chất công việc về mặt thời gian: 10,2% đi làm có thời gian biểu cụ thể; 89,8% đi làm thêm không có thời gian biểu cụ thể. Khung thời gian làm thêm: 69.5% các buổi tối trong tuần. Mức độ hài lòng về công việc làm thêm: 76.8% không hài lòng. Mong muốn lớn nhất khi tham gia làm thêm: có thêm thu nhập, đồng thời được thực hành, nâng cao kỹ năng nghề nghiệp 78.9%. Mong muốn kỹ năng được nâng cao: thực hiện các động tác thể thao cơ bản và chuyên sâu: 100%; kỹ năng truyền đạt kiến thức và kỹ năng thể thao cho người học: 94.7% ; tổ chức hoạt động thể thao: 90.5%; sử dụng các công cụ, máy móc, thiết bị thể thao: 87.4%; kỹ năng huấn luyện: 85.3%.

**Từ khóa:** Việc làm thêm, giáo dục thể chất, sinh viên, Trường Đại học Tây Nguyên.

### 1. MỞ ĐẦU

Trong những năm gần đây, việc làm thêm trong quá trình học tập tại trường đại học đã trở thành một xu hướng phổ biến. Việc làm thêm phù hợp với định hướng nghề nghiệp là một cơ hội quý giá để sinh viên áp dụng lý thuyết vào thực tiễn, đúc rút những bài học kinh nghiệm và rèn luyện các kỹ năng cần thiết.

Đối với sinh viên ngành Giáo dục Thể chất (GDTC), việc làm thêm phù hợp với định hướng nghề nghiệp giúp sinh viên bổ trợ và nâng cao kỹ năng thực hiện các động tác thể thao cơ bản và chuyên sâu, kỹ năng sư phạm, kỹ năng tổ chức và quản lý các hoạt động thể dục thể thao. Đồng thời, việc làm thêm cũng giúp sinh viên mở rộng các mối quan hệ xã hội, cải thiện kỹ năng giao tiếp, các kỹ năng mềm như làm việc nhóm, giải quyết vấn đề, quản lý thời gian,... Những kỹ năng này có vai trò rất quan trọng trong môi trường làm việc sau khi ra trường.

Vì vậy, việc đánh giá thực trạng việc làm thêm của sinh viên ngành GDTC Trường Đại học Tây Nguyên phù hợp với định hướng nghề nghiệp hiện nay là vấn đề hết sức quan trọng. Bài viết này nhằm mục đích khảo sát thực trạng việc làm thêm của sinh viên, từ đó đề xuất các giải pháp hỗ trợ phù hợp.

### 2. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

#### 2.1. Nội dung nghiên cứu

Đánh giá thực trạng việc làm thêm của sinh

viên khóa K2019, K2020, K2021 và K2022 ngành GDTC Trường Đại học Tây Nguyên.

#### 2.2. Đối tượng nghiên cứu

Việc làm thêm của sinh viên ngành GDTC Trường Đại học Tây Nguyên.

#### 2.3. Thời gian và địa điểm nghiên cứu

Thời gian nghiên cứu: Từ tháng 01/2023 đến 6/2023.

Địa điểm nghiên cứu: Trường Đại học Tây Nguyên.

#### 2.4. Phương pháp nghiên cứu

##### 2.4.1. Phương pháp phân tích và tổng hợp các tài liệu liên quan

Phương pháp này được sử dụng trong suốt quá trình nghiên cứu đề tài. Từ lúc lựa chọn đề tài cho đến khi hoàn thành.

##### 2.4.2. Phương pháp phỏng vấn

Được sử dụng trong quá trình thu thập thông tin phỏng vấn 95 sinh viên ngành GDTC trong đó: GDTC K19 (Số lượng 02), GDTC K20 (Số lượng 23), GDTC K21 (Số lượng 37), GDTC K22 (Số lượng 33). Các câu hỏi trong phiếu hỏi nhằm thu thập thông tin về các nội dung như: mức độ cần thiết và lý do mà sinh viên tham gia làm thêm; tính chất công việc về mặt thời gian; công việc làm thêm; khung thời gian làm thêm hiện tại và mức độ hài lòng về công việc; thực trạng mong muốn của sinh viên về công việc làm thêm và kỹ năng được nâng cao trong công việc làm thêm.

##### 2.4.3. Phương pháp quan sát

<sup>1</sup>Khoa Sư phạm, Trường Đại học Tây Nguyên;

Tác giả liên hệ: Vũ Đình Công; ĐT: 0973781988; Email: vdcong@ttn.edu.vn.

Trong quá trình thực hiện đề tài, chúng tôi quan sát trực tiếp một số nơi có các hoạt động làm thêm của sinh viên, nhằm xác định được thực trạng vấn đề cần nghiên cứu.

#### 2.4.4. Phương pháp xử lý số liệu

Sử dụng phần mềm Microsoft Excel để xử lý số liệu số liệu phục vụ cho nội dung của đề tài.

### 3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

#### 3.1. Một số khái niệm

##### 3.1.1. Giáo dục thể chất

GDTC là một loại hình giáo dục nên nó là một quá trình giáo dục có tổ chức, có mục đích, có kế hoạch, có phương pháp, phương tiện để truyền thụ những tri thức, kỹ năng, kỹ xảo... từ thể hệ này sang thể hệ khác. Cũng như các mặt giáo dục khác, GDTC là quá trình sư phạm với đầy đủ đặc điểm của nó, người học vừa là chủ thể của quá trình nhận thức, vừa là đối tượng giáo dục; người dạy giữ vai trò chủ đạo, tổ chức, điều khiển quá trình giáo dục.

Trong GDTC được chia thành hai mặt tương đối độc lập là dạy học động tác (giáo dưỡng thể chất) và giáo dục tố chất thể lực. Dạy học động tác là nội dung cơ bản của giáo dưỡng thể chất, đó là quá trình trang bị những kỹ năng kỹ xảo vận động cơ bản, cần thiết cho cuộc sống và những tri thức chuyên môn. Giáo dục tố chất thể lực là tác động hợp lý tới sự phát triển tố chất thể lực đảm bảo năng lực vận động: Nhanh, mạnh, bền, mềm dẻo khéo léo. Như vậy GDTC là một hình thức giáo dục nhằm trang bị những kỹ năng kỹ xảo vận động và những tri thức chuyên môn (giáo dưỡng), phát triển tố chất thể lực, tăng cường sức khỏe.

Trong hệ thống giáo dục, nội dung đặc trưng của GDTC được gắn liền với trí dục, đức dục, mỹ dục và giáo dục lao động.

##### 3.1.2. Khái niệm việc làm thêm

Thực chất việc làm thêm là một định nghĩa nhằm mô tả hay diễn đạt một công việc mang tính chất không chính thức, không thường xuyên, không cố định, không ổn định bên cạnh một công việc chính thức. Việc làm thêm còn có một khái niệm khác nữa là việc làm part time hay còn gọi là bán thời gian. Các công việc làm thêm, bán thời gian, part time thường kéo dài trong khoảng thời gian từ 3 đến 5 giờ mỗi ngày hoặc ít hơn tùy vào tính chất của mỗi công việc.

#### 3.2. Vấn đề làm thêm của sinh viên từ góc nhìn của sinh viên ngành Giáo dục thể chất

Để nghiên cứu chi tiết về xu hướng và đặc điểm hoạt động làm thêm của sinh viên ngành GDTC, đề tài này tiến hành một cuộc khảo sát để thu thập

thông tin về các khía cạnh sau: đặc điểm hoạt động làm thêm của sinh viên GDTC, mong muốn việc làm và kỹ năng được nâng cao trong công việc làm thêm của sinh viên ngành GDTC. Cuộc khảo sát này tập trung vào 95 sinh viên ngành GDTC trong đó: GDTC K19 (số lượng 02), GDTC K20 (số lượng 23), GDTC K21 (số lượng 37), GDTC K22 (số lượng 33). Kết quả của khảo sát đã được tổng hợp và phân tích trong các phần dưới đây.

##### 3.2.1. Đặc điểm hoạt động làm thêm của sinh viên ngành Giáo dục thể chất

Để định rõ đặc điểm hoạt động làm thêm của sinh viên ngành GDTC, đề tài đã tiến hành khảo sát ý kiến của sinh viên với các nội dung sau: mức độ cần thiết, lý do mà sinh viên tham gia làm thêm, tính chất công việc về mặt thời gian, công việc làm thêm, khung thời gian làm thêm hiện tại và mức độ hài lòng về công việc.

Kết quả khảo sát ý kiến của sinh viên cho thấy 95 sinh viên được khảo sát đã đưa ra ý kiến về mức độ cần thiết của việc làm thêm đối với sinh viên. Trong số đó, 25 sinh viên (26.3%) cho rằng việc làm thêm rất cần thiết và 70 sinh viên (73.7%) cho rằng việc làm thêm cần thiết.

- Có 73 sinh viên (76.8%) cho rằng lý do quan trọng nhất của việc đi làm thêm là để trải nghiệm cuộc sống, có thêm tiền chi tiêu. Đây là lý do phổ biến nhất được các bạn sinh viên lựa chọn. Sau đó, là các lý do, để phát triển các kỹ năng ngoài giờ học (11.6%), để tích lũy kinh nghiệm, quan hệ (7.4%) và tìm kiếm định hướng nghề nghiệp (4.2%).

- Kết quả từ bảng 3.1 cho thấy có 10 sinh viên (10.5%) đi làm có thời gian biểu cụ thể và 85 sinh viên (89.5%) đi làm thêm không có thời gian biểu cụ thể.

- Công việc làm thêm phổ biến nhất là phục vụ nhà hàng, quán ăn, quán nước... (60 sinh viên, chiếm 63.2%). Tiếp theo là làm việc tại câu lạc bộ, liên quan đến thể thao (12 sinh viên, chiếm 12.6%), kinh doanh online (9 sinh viên, chiếm 9.5%), nhân viên bán hàng (7 sinh viên, chiếm 7.4%), dạy kèm (4 sinh viên, chiếm 4.2%), nhân viên giao hàng (3 sinh viên, chiếm 3.2%).

- Khung thời gian làm thêm phổ biến nhất là các buổi tối trong tuần (66 sinh viên, chiếm 69.5%). Tiếp theo là ban ngày (ngoài thời khóa biểu học tập) (12 sinh viên, chiếm 12.6%), chỉ làm cuối tuần (17 sinh viên, chiếm 17.9%).

- Có 73 sinh viên (76.8%) cho rằng họ không hài lòng với công việc làm thêm hiện tại của mình. Tiếp theo là mức độ bình thường (17 sinh viên, chiếm 17.9%), hài lòng (5 sinh viên, chiếm 5.3%).

**Bảng 3.1. Kết quả khảo sát đặc điểm hoạt động làm thêm của sinh viên ngành Giáo dục thể chất Trường Đại học Tây Nguyên**

TT	Nội dung	Ý kiến trả lời	SL (người)	Tỉ lệ (%)
1	Mức độ cần thiết của việc đi làm thêm đối với SV	Rất cần thiết	25	26.5
		Cần thiết	72	73.5
		Không cần thiết	0	0
2	Lí do quan trọng nhất của việc đi làm thêm	Để tìm kiếm định hướng nghề nghiệp	4	4.1
		Để phát triển các kỹ năng ngoài giờ học	11	11.2
		Để tích lũy kinh nghiệm, quan hệ	7	7.1
		Để trải nghiệm cuộc sống, có thêm tiền chi tiêu	76	77.6
3	Tính chất công việc về mặt thời gian	Có thời gian biểu cụ thể	10	10.2
		Không có thời gian biểu cụ thể	88	89.8
4	Công việc làm thêm	Kinh doanh Online	9	9.2
		Nhân viên bán hàng	7	7.1
		Dạy kèm	4	4.1
		Làm việc tại CLB, liên quan đến thể thao	12	12.2
		Nhân viên giao hàng	3	3.1
		Phục vụ quán cà phê, quán nước	63	64.3
5	Khung thời gian làm thêm hiện tại	Các buổi tối trong tuần	69	70.4
		Ban ngày (ngoài thời khóa biểu học tập)	12	12.2
		Chỉ làm cuối tuần	17	17.3
6	Mức độ hài lòng về công việc	Hài lòng	5	5.1
		Bình thường	17	17.3
		Không hài lòng	76	77.6

### 3.2.2. Thực trạng mong muốn việc làm và kỹ năng được nâng cao trong công việc làm thêm

Kết quả từ bảng 3.2 cho thấy có 75 sinh viên (78.9%) mong muốn công việc làm thêm có thể giúp họ có thêm thu nhập, đồng thời được thực

hành, nâng cao kỹ năng nghề nghiệp. Tiếp theo là được trả lương cao (9 sinh viên, chiếm 9.5%), muốn có thêm kinh nghiệm, quan hệ (7 sinh viên, chiếm 7.4%), đúng với ngành học (4 sinh viên, chiếm 4.2%)...

**Bảng 3.2. Mong muốn của sinh viên về công việc làm thêm của sinh viên ngành Giáo dục thể chất Trường Đại học Tây Nguyên**

TT	Nội dung	Ý kiến trả lời	SL (người)	Tỉ lệ (%)
1	Mong muốn lớn nhất khi tham gia làm thêm	Được trả lương cao	9	9.5
		Muốn có thêm kinh nghiệm, quan hệ	7	7.4
		Đúng với ngành học	4	4.2
		Có thêm thu nhập, đồng thời được thực hành, nâng cao kỹ năng nghề nghiệp	75	78.9

Có thể nói, ngành GDTC là ngành học đào tạo về lĩnh vực thể dục, thể thao và giáo dục sức khỏe, tập trung vào việc phát triển và nâng cao sức khỏe, thể lực và kỹ năng vận động cho các đối tượng học sinh, sinh viên trong các trường học. Để trở thành một giáo viên thể dục giỏi, ngoài kiến thức

chuyên môn, sinh viên ngành GDTC cần trang bị cho mình những kỹ năng chuyên môn cần thiết.

Kết quả tổng hợp ở bảng 3.3 cho thấy: có 95 sinh viên (100%) mong muốn được nâng cao kỹ năng thực hiện các động tác thể thao cơ bản và chuyên sâu, 90 sinh viên (94.7%) mong muốn

được nâng cao kỹ năng truyền đạt kiến thức và kỹ năng thể thao cho người học, 86 sinh viên (90.5%) mong muốn được nâng cao kỹ năng tổ chức hoạt động thể thao, 83 sinh viên (87.4%) mong muốn được nâng cao kỹ năng sử dụng các công cụ, máy móc, thiết bị thể thao, 81 sinh viên (85.3%) mong muốn được nâng cao kỹ năng huấn luyện, 20 sinh viên (21.1%) mong muốn được nâng cao kỹ năng soạn giáo án và kỹ năng giải quyết vấn đề, 17 sinh viên (17.9%) mong

muốn được nâng cao kỹ năng quản lý thời gian, 13 sinh viên (13.7%) mong muốn được nâng cao kỹ năng giao tiếp, 10 sinh viên (10.5%) mong muốn được nâng cao kỹ năng làm việc nhóm, 9 sinh viên (9.5%) mong muốn được nâng cao kỹ năng lãnh đạo, 8 sinh viên (8.4%) mong muốn được nâng cao kỹ năng tin học, 6 sinh viên (6.3%) mong muốn được nâng cao kỹ năng ngoại ngữ.

**Bảng 3.3. Kết quả khảo sát mong muốn kỹ năng được nâng cao trong công việc làm thêm của sinh viên ngành Giáo dục thể chất Trường Đại học Tây Nguyên**

TT	Nội dung	SL (người)	Tỉ lệ (%)
1	Kỹ năng sử dụng các công cụ, máy móc, thiết bị thể thao	83	87.4
2	Kỹ năng làm việc nhóm	10	10.5
3	Kỹ năng quản lý thời gian	17	17.9
4	Kỹ năng truyền đạt kiến thức và kỹ năng thể thao cho người học	90	94.7
5	Kỹ năng tin học	8	8.4
6	Kỹ năng ngoại ngữ	6	6.3
7	Kỹ năng lãnh đạo	9	9.5
8	Kỹ năng soạn giáo án	20	21.1
9	Kỹ năng giao tiếp	13	13.7
10	Kỹ năng thực hiện các động tác thể thao cơ bản và chuyên sâu	95	100
11	Kỹ năng huấn luyện	81	85.3
12	Kỹ năng tổ chức hoạt động thể thao	86	90.5
13	Kỹ năng giải quyết vấn đề	20	20.1

#### 4. KẾT LUẬN

Có thể kết luận rằng đa số sinh viên cho rằng việc làm thêm là cần thiết. Việc làm thêm giúp sinh viên có cơ hội trải nghiệm cuộc sống thực tế, học cách tự lập và giải quyết vấn đề. Ngoài ra, còn giúp sinh viên có thêm thu nhập để tự lập hơn và chủ động hơn trong cuộc sống. Công việc làm thêm phổ biến nhất của sinh viên là những công việc không yêu cầu trình độ chuyên môn cao, có thể làm việc theo giờ giấc linh hoạt. Thời gian làm thêm của sinh viên thường là các buổi tối trong tuần, sau khi kết thúc thời khóa biểu học tập. Đa số sinh viên không hài lòng với công việc làm thêm hiện tại của mình vì công việc làm thêm không phù hợp với năng lực và sở thích của sinh viên. Sinh viên mong muốn công việc làm thêm có thêm thu nhập, đồng thời được thực hành, nâng cao kỹ năng nghề nghiệp.

Những kỹ năng sinh viên ngành GDTC Trường Đại học Tây Nguyên mong muốn được nâng cao

trong việc làm thêm là kỹ năng thực hiện các động tác thể thao cơ bản và chuyên sâu giúp sinh viên có thể tự thực hiện các động tác thể thao một cách chính xác và hiệu quả; kỹ năng truyền đạt kiến thức và kỹ năng thể thao cho người học giúp sinh viên có thể truyền đạt kiến thức và kỹ năng thể thao cho người khác một cách dễ hiểu; kỹ năng tổ chức hoạt động thể thao giúp sinh viên có thể tổ chức các hoạt động thể thao trong các trường học, cơ quan, doanh nghiệp,...; kỹ năng sử dụng các công cụ, máy móc, thiết bị thể thao giúp sinh viên có thể sử dụng các công cụ, thiết bị thể thao một cách an toàn và hiệu quả trong quá trình giảng dạy và kỹ năng huấn luyện giúp sinh viên có thể huấn luyện các đội tuyển của trường học, cơ quan, doanh nghiệp,... đi thi đấu một cách hiệu quả trong tương lai. Việc nâng cao các kỹ năng này sẽ giúp sinh viên có thể thành công hơn trong nghề nghiệp.

## THE CURRENT SITUATION OF PART-TIME EMPLOYMENT FOR STUDENTS OF THE PHYSICAL EDUCATION MAJOR AT TAY NGUYEN UNIVERSITY

Vu Dinh Cong<sup>1</sup>, Le Tu Truong<sup>1</sup>, Nguyen Thien Tin<sup>1</sup>

Received Date: 16/09/2023; Revised Date: 29/11/2023; Accepted for Publication: 10/12/2023

### ABSTRACT

Through theoretical research and investigation, as well as surveys to gather information, the current situation of part-time work among Physical Education students has been determined. The necessary percentage for part-time work is: very necessary is 26.3% and necessary is 73.7%. The most important reason for part-time work is: 76.8% for life experience and additional living expenses. The most common part-time job is: serving in coffee shops and beverage stalls, accounting for 64.3%. Regarding the time aspect of part-time work: 10.2% have a specific schedule; 89.8% have no specific schedule. The time frame for part-time work: 69.5% in the evenings during the week. The satisfaction level with part-time work: 76.8% are not satisfied. The biggest desire when engaging in part-time work: additional income, as well as practical experience and improvement of professional skills, with 78.9%. Desired skills to be improved: performing basic and advanced sports movements: 100%; conveying knowledge and sports skills to learners: 94.7%; organizing sports activities: 90.5%; using sports tools, machinery, and equipment: 87.4%; coaching skills: 85.3%.

**Keywords:** *part-time job, Physical education, Students, Tay Nguyen University.*

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bùi Hiền, Nguyễn Văn Giao, Nguyễn Hữu Quỳnh, Vũ Văn Tảo (2001). *Từ điển giáo dục học*. NXB Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
- PGS.TS. Lưu Quang Hiệp (2010), *Sinh lý học thể dục thể thao*, NXB TĐTT, Hà Nội.
- Đặng Thành Hưng (2010). Tiêu chí nhận diện và đánh giá kỹ năng. *Tạp chí Khoa học Giáo dục*, số 64, tháng 11/2010.
- Nguyễn Xuân Long (2009). Nhu cầu làm thêm của sinh viên trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học quốc gia Hà Nội: Thực trạng và giải pháp. *Tạp chí Tâm lý học*, số 9 (126), 9/2009.
- Lê Tử Trường, Trần Văn Hưng (2022). *Giáo trình Lý luận và phương pháp Giáo dục thể chất*. TP. HCM. NXB Đại học Quốc gia TP. HCM.

---

<sup>1</sup>Faculty of Education, Tay Nguyen University

Corresponding author: Vu Dinh Cong; Tel: 0973781988; Email: vdcong@ttn.edu.vn.